

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 08 tháng 01 năm 2017 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 13/TLST-KDTM ngày 11 tháng 01 năm 2018.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

*Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển V.

Địa chỉ: Tháp BIDV, 35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T – Chức vụ: Tổng giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: bà Nguyễn Thị Mai H – Giám đốc chi nhánh ngân hàng TMCP đầu tư Bắc H;

Theo văn bản ủy quyền số 8695/QĐ - BIDV ngày 28/10/2016, của tổng giám đốc.

Người được bà Nguyễn Thị Mai H ủy quyền lại: Ông Nguyễn Đức Q – PTP quản lý rủi ro – Chi nhánh Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Bắc H.

Theo văn bản quyền số 120/UQ – BIDV. BHY ngày 25/10/2017

*Bị đơn: Ông Hoàng Trọng T – sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số 303, Thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

*Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị U – sinh năm 1984.

Địa chỉ: Khu B, huyện B, tỉnh Quảng Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Hoàng Trọng T – SN 1981

2. Ông Hoàng Trọng S - sinh năm 1955.

3. Bà Nguyễn Thị S – sinh năm 1955.

Đều có địa chỉ: Số nhà 303, TT Y, huyện Y, tỉnh Hưng Yên

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về số nợ: Tính đến ngày 08/01/2018 ông Hoàng Trọng T còn nợ Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển V số tiền gốc là 1.889.300.000 đồng, lãi trong hạn 186.975.095 đồng, lãi quá hạn 63.859.992 đồng, tổng cộng gốc và lãi bằng 2.140.135.087 đồng (*Hai tỷ, một trăm bốn mươi triệu, một trăm ba mươi lăm ngàn, không trăm tám mươi bảy đồng*)

Về phương thức thanh toán: Số tiền trên ông Hoàng Trọng T có trách nhiệm thanh toán trả nợ cho Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển V cụ thể như sau:

- Từ tháng 01 đến tháng 12 năm 2018 mỗi tháng ông T trả Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển V số tiền 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*).

- Từ tháng 01 đến tháng 12 năm 2019 mỗi tháng ông T trả Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển V số tiền 25.000.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu đồng*).

- Từ tháng 01 đến tháng 12 năm 2020 mỗi tháng ông T trả Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển V số tiền 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*).

- Từ tháng 01 đến tháng 12 năm 2021 mỗi tháng ông T trả Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển V số tiền 50.000.000 đồng (*Năm mươi hai triệu đồng*).

- Từ tháng 01 đến tháng 11 năm 2022 mỗi tháng ông T trả Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển V 22.000.000 đồng.

Tháng 12/2022 ông T trả Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển V số tiền gốc còn lại 27.300.000 đồng.

- Năm 2023 ông T trả Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển V toàn bộ số tiền lãi các loại.

Thời hạn trả tiền chậm nhất vào ngày cuối cùng hàng tháng.

Nếu ông Hoàng Trọng T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ theo đúng lộ trình trên, thì Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển V có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên phát mại tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất ở và Quyền sở hữu nhà ở của ông Hoàng Trọng S và bà Nguyễn Thị S, mảnh đất có số thửa: 139, tờ bản đồ số 6H – 1 – 39, diện tích 29.69 m², vị trí thửa đất tại 36 ngõ 178 – Phố Kim Hoa – Phường Phương Liên – Quận Đống Đa – TP Hà Nội, theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền đất số BD 774215 do UBND Quận Đống Đa cấp ngày 14/01/2011, sổ vào sổ cấp GCN: CH00255 159/2011/QĐ UBND (Cấp lại theo Giấy chứng nhận QSHNỞ và QSDĐỞ mã số 10109250600 đã cấp ngày 11/06/2002 tại Quyết định số 4069/2002/QĐ-UB của UBND Thành phố Hà Nội do nhận chuyển nhượng) để thu hồi nợ bao gồm khoản nợ gốc còn lại và lãi tính đến ngày 08/01/2018 là 2.140.135.087 đồng (*Hai tỷ, một trăm bốn mươi triệu, một trăm ba mươi năm nghìn, không trăm tám mươi bảy đồng*) và toàn bộ tiền lãi phát sinh tính từ ngày 09/01/2018 với mức lãi suất theo hợp

đồng tín dụng số 01/2016/2909003/HĐ, ngày 07/6/2016, giữa Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển V với ông Hoàng Trọng T cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Nếu tài thế chấp sau khi phát mại không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông Hoàng Trọng T tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả hết toàn bộ các khoản nợ cho Ngân hàng.

Trong trường hợp ông T thực hiện đúng cam kết theo lộ trình trả nợ như trên, thì Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển V xét miễn, giảm số tiền lãi cho ông T theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Ngân hàng đầu tư và phát triển V và ông Hoàng Trọng T mỗi bên tự nguyện nộp số tiền 18.700.765 đồng tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển V được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 37.026.000đ (ba mươi bảy triệu, không trăm hai mươi sáu nghìn đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 011857, ngày 01/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Mỹ, số tiền còn lại 18.325.235đ hoàn trả Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển V.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THA dân sự huyện Yên Mỹ
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Hoàng Hữu Tăng

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:

- (1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).
- (2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).
- (3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).
- (4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.
- (5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).